

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 1 đến câu 10.

除了父母，与我们关系最密切的就是兄弟姐妹了。兄弟姐妹在我们的一生中非常重要，年长的兄姐可能是我们模仿(1)_____，对我们的性格、品德、技能的形成，影响很大。兄弟姐妹之间的排行也有影响。比如(2)_____，由于没有兄弟姐妹与他分享父母的爱，通常是父母生活的中心，因此容易养成自我中心、不愿与别人分享和独立自主的(3)_____，在与朋友相处时可能会发生困难。如果一个人(4)_____老大，父母就对他的希望比较大，会(5)_____注意和干涉他的行动，花比较多的时间和精力来照顾他，因此老大在语言、智力、学习成绩上占有优势。在性格上，老大喜欢(6)_____、处于领导地位、自尊心强。而排行中间的人一般有比较强的(7)_____交往和协调能力，(8)_____与别人相处，性格比较积极乐观。如果一个人排行最小，那么他在家庭中往往受到很多保护，父母很少(9)_____他，因此排行最小者一般比较(10)_____，不太会交朋友，也不会应付困难和挫折。

(《HSK 初中等，最新模拟试题集》，北京语言文化大学出版社，2008年)

- | | | | |
|------------------------|----------|----------|----------|
| Câu 1: A. 榜样 | B. 人 | C. 弟妹 | D. 兄姐 |
| Câu 2: A. 独生子女 | B. 男孩 | C. 女孩 | D. 双胞胎 |
| Câu 3: A. 心情 | B. 思想 | C. 任性 | D. 性格 |
| Câu 4: A. 排除 | B. 排行 | C. 排队 | D. 排名 |
| Câu 5: A. 立刻 | B. 有空 | C. 时时 | D. 偶尔 |
| Câu 6: A. 自由自在 | B. 指挥别人 | C. 能说会道 | D. 自言自语 |
| Câu 7: A. 人间 | B. 国际 | C. 人们 | D. 人际 |
| Câu 8: A. 可以 | B. 善于 | C. 能够 | D. 敢于 |
| Câu 9: A. 限制和干涉 | B. 相信和支持 | C. 关心和照顾 | D. 夸奖和喜爱 |
| Câu 10: A. 胆小 | B. 勇敢 | C. 大胆 | D. 坚强 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 11:** Phiên âm đúng của từ 茂盛 là: mào_____èng.
A. sh B. s C. ch D. zh
- Câu 12:** Phiên âm đúng của từ 最近 là: z_____jìn.
A. òu B. uèi C. uì D. iù
- Câu 13:** Phiên âm đúng của từ 钱包 là: qián_____āo.
A. t B. f C. b D. p
- Câu 14:** Phiên âm đúng của từ 踊跃 là: y_____yuè.
A. iǒng B. áo C. ǒng D. ǔng
- Câu 15:** Phiên âm đúng của từ 辉煌 là: _____.
A. huīhuàng B. huìhuáng C. huīhuáng D. huìhuàng

Câu 16: Phiên âm đúng của từ 尊敬 là: _____ ūnjìng.

A. sh

B. s

C. zh

D. z

Câu 17: Phiên âm đúng của từ 家乡 là: _____.

A. jiàxiàng

B. jiàxiāng

C. jiāxiāng

D. jiāxiàng

Câu 18: Phiên âm đúng của từ 过去 là: g_____ qù.

A. ǒ

B. uò

C. uō

D. ò

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 19: 今天他 A 比我 B 来 C 十五分钟 D 。 (早)

Câu 20: 他激动 A 说 B : “我非常感谢 C 你们对我的帮助 D 。” (地)

Câu 21: 为了提高学生的科研能力, A 我们 B 请来了 C 有经验的研究员, 定期 D 对学生
进行培训。 (从国内一流大学)

Câu 22: 我 A 等 B 了 C 他一 D 钟头了。 (个)

Câu 23: 长 A 空 B 的文章 C 没人 D 要看。 (而)

Câu 24: 这个问题 A 你还得 B 我好好考虑, 考虑好了 C 再给 D 你电话, 好不好? (让)

Câu 25: 他已经把 A 你 B 问的 C 一个问题 D 告诉别人了。 (那)

Câu 26: A 我 B 很喜欢 C 吃南方的水果, D 榴莲和芒果。 (特别是)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 27: 你怎么又去玩了昵? 我不是告诉你无论如何也得把今天的练习做完吗?

A. 想

B. 能

C. 要

D. 会

Câu 28: 这些东西一个箱子装不下。

A. 不能安装

B. 不能容忍

C. 不能带动

D. 不能容纳

Câu 29: 尽管我再三地向他道歉, 他还是没有原谅我。

A. 三次

B. 多次

C. 五次

D. 两次

Câu 30: 这事使我别扭了老半天。

A. 不满意

B. 不正常

C. 不舒服

D. 不顺利

Câu 31: 将土豆去皮后切成方块儿就行了。

A. 马上

B. 快要

C. 用

D. 把

Câu 32: 目前, 印度人口在世界上仅次于中国。

A. 多

B. 等

C. 少

D. 差

Câu 33: 在商业或私人交际中, 无言也许是最好的选择之一。

A. 交待

B. 交往

C. 交情

D. 交通

Câu 34: 看到父亲态度那么坚决, 他无可奈何地朝我笑了笑。

A. 没有意见

B. 没有问题

C. 没有办法

D. 没有结果

Câu 35: 我看你们讲的都有道理, 不必再争论了。

A. 不能

B. 不想

C. 不用

D. 不论

Câu 36: 晚上一回到家, 我立刻就下厨房开始忙活儿, 炒菜、烧饭, 忙得团团转。

A. 很忙的样子

B. 转身的样子

C. 转了很多圈

D. 很难转身

Câu 37: 今天排电影票的人很多, 好容易我才买到一张票。

A. 很烦乱

B. 很复杂

C. 很困难

D. 很容易

Câu 38: 光听别人说, 自己不动脑筋是不行的。

- A. 摇头晃脑 B. 自己不去思考 C. 不动自己的头 D. 自己不必烦恼

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 39: 学校不能_____对学生的道德教育。

- A. 勿备 B. 葱略 C. 忽略 D. 忽备

Câu 40: 科学的论断必须以客观事实为_____。

- A. 依据 B. 衣剧 C. 依剧 D. 衣居

Câu 41: 我们必须_____投资环境, 吸引越来越多的海外投资者前来投资。

- A. 争化 B. 静化 C. 挣化 D. 净化

Câu 42: 这次竞赛的_____, 全凭大家的努力。

- A. 成功 B. 诚功 C. 成攻 D. 城功

Câu 43: 人类朋友们, 让我们积极行动起来, _____我们人类赖以生存的地球!

- A. 保佑 B. 保户 C. 保护 D. 堡沪

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 44: 这所医院是我国南方最有名的。

- A. 副词 B. 量词 C. 代词 D. 助词

Câu 45: 这篇文章写得还可以。

- A. 形容词 B. 数词 C. 动词 D. 名词

Câu 46: 难怪今天大家不来上班, 原来全公司都去头顿旅游了。

- A. 副词 B. 连词 C. 介词 D. 动词

Câu 47: 明天我们就这个问题进行讨论吧。

- A. 动词 B. 介词 C. 连词 D. 副词

Câu 48: 他是第一次登台演讲, 出点儿差错, 这也难怪。

- A. 名词 B. 形容词 C. 副词 D. 动词

Câu 49: 遵守时间、提高效率成了人们的新观念。

- A. 名词 B. 动词 C. 代词 D. 形容词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 50: 我和小阮_____是同事, _____彼此之间并不十分了解。

- A. 既……又…… B. 因为……所以……
C. 不仅……而且…… D. 虽然……但是……

Câu 51: 凡在节日期间光临本店购物的顾客, 本店将为您准备一_____精美的礼物。

- A. 份 B. 项 C. 把 D. 条

Câu 52: 你都病了好几天了, 怎么还不去医院_____?

- A. 吗 B. 呢 C. 啦 D. 吧

Câu 53: 老师和学生们都应该_____。

- A. 准时上课 B. 上准时课 C. 上课得准时 D. 上课准时

Câu 54: 这个问题不是一天两天就能解决的, _____我们再商量吧。

- A. 然后 B. 后来 C. 以后 D. 之后

Câu 55: 因为作弊, 他_____取消了考试资格。

- A. 令 B. 使 C. 把 D. 被

Câu 56: 我们提倡, 中医和西医结合, _____取长补短, 共同发展。

- A. 相 B. 各自 C. 互 D. 每个

- Câu 57:** 这件事_____讨论来讨论去, 也没做出什么决定。
 A. 大家 B. 本人 C. 自己 D. 人家
- Câu 58:** 这个问题提得_____突然, 请你让我想一想。
 A. 有点儿 B. 差点儿 C. 一点儿 D. 多一点儿
- Câu 59:** 论文交给老师了, 今晚可以_____睡觉了。
 A. 轻松轻松 B. 轻松轻松的 C. 轻轻松松地 D. 十分轻松
- Câu 60:** _____老师_____学生都来参加这次活动。
 A. 连……和…… B. 连……都……
 C. 连……带…… D. 连……也……
- Câu 61:** 这个不幸的消息先别对老人家讲, _____老人家受不了这个打击。
 A. 为了 B. 以至 C. 以便 D. 免得
- Câu 62:** _____他已经知道错了, 你_____别再提这件事了, 何必一棍子打死呢?
 A. 既然……就…… B. 虽然……却……
 C. 只要……就…… D. 哪怕……都……
- Câu 63:** 我们走进茶馆, 小姐很热情_____对我们说: “欢迎你们!”
 A. 的 B. 了 C. 得 D. 地
- Câu 64:** 学生想_____越深入、越透彻, 他对知识的理解和掌握也就越深刻、越牢固。
 A. 地 B. 着 C. 得 D. 的
- Câu 65:** _____保持生态平衡, 严禁对森林过度采伐。
 A. 至于 B. 为了 C. 本着 D. 除了
- Câu 66:** 这么多的内容, 一个晚上恐怕_____。
 A. 不看完 B. 看不完 C. 得看完 D. 看得完
- Câu 67:** 大家可以坐_____发言, 不必站起来。
 A. 过 B. 的 C. 了 D. 着
- Câu 68:** 小玲_____对工作有责任, _____非常关心别人。
 A. 即使……也…… B. 不但……而且……
 C. 虽然……但是…… D. 如果……就……
- Câu 69:** 今年暑假你妹妹_____去哪个国家留学?
 A. 总是 B. 终于 C. 究竟 D. 非常
- Câu 70:** 这部小说_____很受欢迎, _____内容很有吸引力。
 A. 是因为……之所以…… B. 之所以……是因为……
 C. 因而……所以…… D. 由于……所以……
- Câu 71:** 艺术来源_____生活, 又高于生活。
 A. 在 B. 起 C. 从 D. 于
- Câu 72:** 欢迎你_____到我家来做客。
 A. 往常 B. 往往 C. 时时 D. 常常
- Câu 73:** _____春夏秋冬, 那里的气候都很好。
 A. 无论 B. 即使 C. 任何 D. 尽管
- Câu 74:** 经过一年的努力, 她的汉语口语好_____。
 A. 多了 B. 得多了 C. 多极了 D. 得多
- Câu 75:** 为了祖国, 他愿意献出自己的_____。
 A. 寿命 B. 命令 C. 命运 D. 生命

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 76 đến câu 80.

哲学家把学生带到一片苹果树林，要求大家从树林的这头走到那头，每人挑选一个自己认为最大最好的苹果。但是摘苹果的时候，不许走回头路，不许选择两次。

在穿过苹果林的过程中，学生们认真细致地挑选自己认为最好的苹果。等大家来到苹果林的另一边时，哲学家已经在那里等候他们了。他笑着问学生：“你们挑到自己最满意的果子了吗？”大家你看看我，我看看你，都没有回答。

哲学家见状，又问：“怎么啦，难道你们对自己的选择不满意？”

“老师，让我们再选择一次吧。”一个学生请求说，“我刚走进果林时，就发现了一个很大很好的苹果，但我还想找一个更大更好的。当我走到果林尽头时，才发现第一次看到的那个就是最大最好的。”

另一个接着说：“我和他正好相反。我走进果林不久，就摘下一个我认为最大最好的果子，可是，后来我又发现了更好的。”

“老师，让我们再选择一次吧！”其他学生也不约而同地请求。

哲学家笑了笑，语重心长地说：“孩子们，这就是人生——人生就是一次无法重复的选择。”

面对无法回头的人生，我们只能做三件事：慎重的选择，争取不留下遗憾；如果遗憾了，就理智地面对它，然后争取改变；如果也不能改变，就勇敢地接受，不要后悔，继续朝前走。

(刘云主编《决胜30天——新汉语水平考试HSK五级仿真试题集》，北京语言大学出版社，2011.1)

Câu 76: 哲学家让大家：

- | | |
|------------|-------------|
| A. 去摘很多苹果 | B. 去摘最满意的苹果 |
| C. 帮别人挑选苹果 | D. 穿过苹果林 |

Câu 77: 下面哪个答案是学生们去摘苹果的条件？

- | | |
|------------------|------------------|
| A. 不可走回头路，可以选择两次 | B. 可以走回头路 |
| C. 可以选择两次 | D. 不可走回头路，不可选择两次 |

Câu 78: 对于摘到的苹果，大家的心情是：

- | | |
|-------|-------|
| A. 满意 | B. 高兴 |
| C. 生气 | D. 后悔 |

Câu 79: 大家想再选择一次是因为：

- | | |
|-----------|-------------|
| A. 没有摘到苹果 | B. 错过了更好的苹果 |
| C. 很喜欢摘苹果 | D. 想要更多的苹果 |

Câu 80: 哲学家认为：

- | | |
|---------------|-------------|
| A. 自己喜欢的就是最好的 | B. 人生不应留下遗憾 |
| C. 要努力追求美好 | D. 人生不能重新选择 |

----- HẾT -----